

# ESRIO-800Z20R

Tải trọng tối đa 10 kg với tầm với tối đa 800 mm.

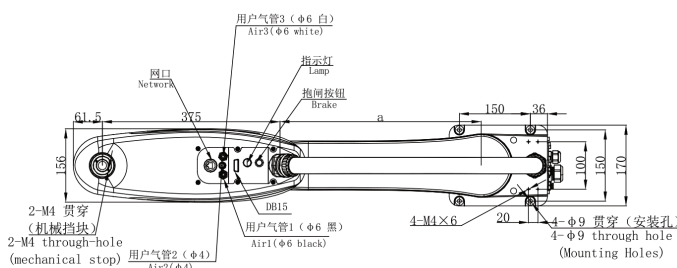
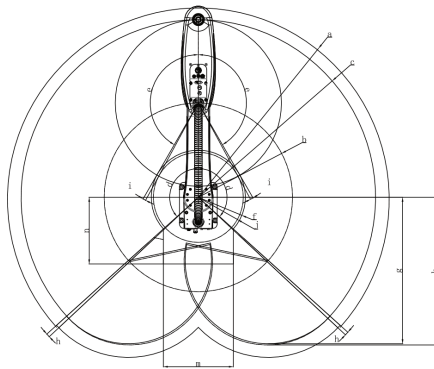
## » Đặc Điểm Chính

- **Chu kỳ nhanh, độ chính xác cao:** Thời gian chu kỳ tiêu chuẩn nhanh nhất đạt 0.412 giây. Độ chính xác định vị của robot đạt 0.025 mm
- **Độ cứng cao, rung động thấp:** Cấu trúc thân robot được tăng cường độ cứng vững, kết hợp với các chức năng triệt tiêu rung động chủ động, giúp giảm thiểu rung lắc một cách hiệu quả trong quá trình vận hành.
- **Dễ bảo trì và khả năng mở rộng cao:** Thiết kế cáp và pin có cấu trúc tháo rời cho phép thay thế robot ngay bên trong thiết bị. Ngoài ra, việc tích hợp sẵn cáp mạng cho camera giúp dễ dàng mở rộng các phương thức giao tiếp khác nhau.

## » Ứng dụng

- Thiết bị có thể được sử dụng trong các công đoạn: Gắp đặt (handling), phân loại (sorting), lắp ráp (assembly) và các tác vụ tương tự.

## » Kích thước

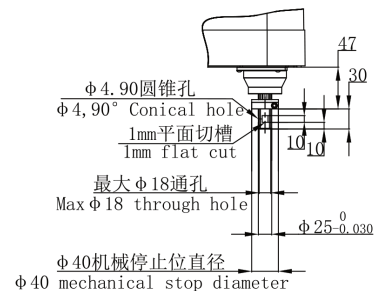


ESRIO series with different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESRIO-600Z20	ESRIO-700Z20	ESRIO-800Z20
a	225	325	425
b	565	575	585

## » Ngành công nghiệp

- Phù hợp cho các ngành công nghiệp như: Sản xuất điện tử, pin lithium, điện tử ô tô, điện mặt trời (Photovoltaics).

ESRIO series range of motion parameters for different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESRIO-600Z20	ESRIO-700Z20	ESRIO-800Z20
a. 第1轴臂长-第2轴臂长 (mm) b. 第1轴臂长 (mm) c. 最大运动范围 (mm) d. 第1关节运动范围 (°) e. 第2关节运动范围 (°) f. 运动范围 g. 后方运动范围 h. 第1关节机械停止位的角度 (°) i. 第2关节机械停止位的角度 (°) j. 机械停止位的范围 k. 后存机械停止位的范围 m. 运动范围 n. 运动范围	600 225 661.5 132 150 212.4 525.6 1 1.5 207.2 528.5 420	700 325 761.5 132 150 187.5 592.5 1 1.5 179 596.7 330	800 425 861.5 132 150 212.5 659.4 1 1.5 202.8 664.9 320
		300	





## » Thông Số Kỹ Thuật

Model		ESR10-800Z20R
Tầm vớ		800 mm
Tải trọng tối đa tại cổ tay	Định mức	5 kg
	Tối đa	10 kg
Trọng lượng Robot		24 kg
Tốc độ tối đa	J1 + J2	10500 mm/ sec
	J2	1500 mm/ sec
	J3	2500°/ sec
Phạm vi chuyển động	J1	±132°
	J2	±150°
	J3	200 mm
	J4	±360°
Độ lặp lại	J1 + J2	±0.025 mm
	J3	±0.01 mm
	J4	±0.01°
Chu kỳ tiêu chuẩn		0.412 s
Mô-men quán tính cho phép trục J4	Rated	0.02 kg· m <sup>2</sup>
	Maximum	0.3 kg· m <sup>2</sup>
Đường điện		D-Sub 15-Pin
Đường khí nén		φ4 mmx1, φ6 mmx2
Lực đẩy xuống trục J3		200 N
Phương thức lắp đặt		Gắn sàn
Điều kiện môi trường lắp đặt	Nhiệt độ môi trường	5~40°C
	Độ ẩm môi trường	RH ≤ 80% (không ngưng tụ, không đóng băng)

# ESRIO-800Z20R

Maximum payload 10 kg with maximum reach 800 mm.

## Key Features

- High rhythm and high precision:** The fastest standard cycle time can reach 0.412 s, and the robot positioning accuracy can reach 0.025 mm.
- High rigidity and low vibration:** Robot body mode and rigidity enhancement, combined with vibration suppression and active vibration suppression functions, effectively reduce vibration.
- Easy to maintain and scalable:** The detachable structure of cables and batteries allows for the replacement of robots inside the device, and the built-in camera network cable enables various communication extensions.

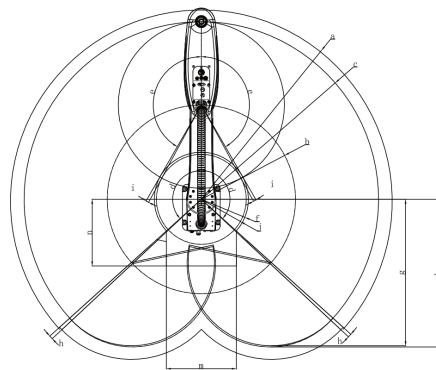
## Applications

- It can be used in handling, sorting, assembly, etc.

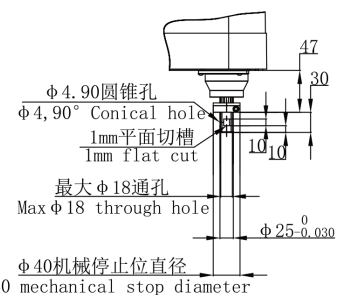
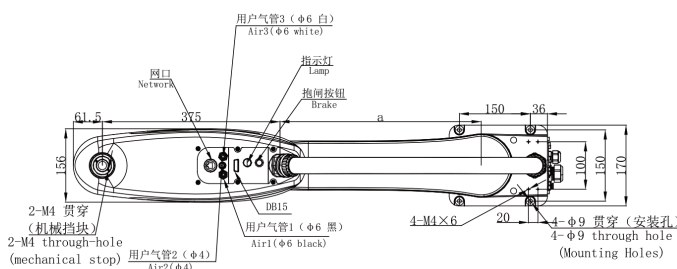
## Appearance

## Industries

- Suitable for industries such as electronic manufacturing, lithium batteries, automotive electronics, and photovoltaics.



ESRIO series range of motion parameters for different arm lengths			
机型名称 The name of the model	ESRIO-600Z20	ESRIO-700Z20	ESRIO-800Z20
a. 第1轴臂长-活动轴臂长 (mm) a. 1st axis arm length-2st axis arm length (mm)	600	700	800
b. 第1轴臂长 (mm) b. 1st axis arm length (mm)	225	325	425
c. 最大运动范围 (mm) c. Maximum range of motion (mm)	661.5	761.5	861.5
d. 第1次关节运动范围 (°) d. Range of motion of the 1st joint (°)	132		
e. 第2次关节运动范围 (°) e. Range of motion of the 2st joint (°)	150		
f. 后运动范围 f. Rear range of motion	212.4	187.5	212.5
g. 前运动范围 g. Front range of motion	525.6	592.5	659.4
h. 第1次机械停止位的角度 (°) h. The angle of the mechanical stop position of the 1st joint (°)	1		
i. 第2次机械停止位的角度 (°) i. The angle of the mechanical stop position of the 2st joint (°)	1.5		
j. 机械停止位范围 j. The range of mechanical stop bits	207.2	179	202.8
k. 后机械停止位范围 k. The range of the rear mechanical stop bits	528.5	596.7	664.9
m. 运动范围 m. Range of motion	420	330	320
n. 运动范围 n. Range of motion	300		



ESRIO series range of motion parameters			
机型名称 The name of the model	ESRIO-600Z20	ESRIO-700Z20	ESRIO-800Z20
a	225	325	425
b	565	575	585



## » Specifications

Model		ESR10-800Z20R
Reach		800 m
Max. payload on wrist	Rated	5 kg
	Maximum	10 kg
Robot weight		24 kg
Maximum Speed	J1 + J2	10500 mm/ sec
	J3	1500 mm/ sec
	J4	2500°/ sec
Motion range	J1	±132°
	J2	±150°
	J3	200 mm
	J4	±360°
Repeatability	J1 + J2	±0.025 mm
	J3	±0.01 mm
	J4	±0.01°
Standard cycle time		0.412 s
J4 allowable moment of inertia	Rated	0.02 kg· m <sup>2</sup>
	Maximum	0.3 kg· m <sup>2</sup>
Electric lines		D-Sub 15-Pin
Pneumatic lines		φ4 mmx1, φ6 mmx2
J3 downward force		200 N
Installation		Floor
Installation Environment	Ambient temperature	5~40°C
	Ambient humidity	RH ≤ 80% (No dew nor frost allowed)



## CÔNG TY CỔ PHẦN RTC TECHNOLOGY VIỆT NAM

### RTC TECHNOLOGY VIETNAM.,JSC

- 📍 Trụ sở chính Hà Nội - Hanoi head office  
Address: 1st floor, Zone P, Hateco Apollo Building, Street 70, Xuan Phuong Ward, Hanoi, Viet Nam.
- 📍 Văn phòng Bắc Ninh - Bac Ninh office  
Address: 1-8/OTM1 Townhouse , O Cach Hamlet, Yen Phong Commune, Bac Ninh, Viet Nam.
- 📍 Văn phòng Hải Phòng - Hai Phong office  
Address: Seoul Eco Home Urban Area, An Duong Ward, Hai Phong, Viet Nam.
- 📍 Văn phòng Hồ Chí Minh - Ho Chi Minh office  
Address: No. 26, Street 2, Phu Huu Residential Area, Long Trung Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
- 🏭 Nhà máy - Factory  
Address: Dan Phuong Industrial Cluster Phase 2, Dan Phuong Commune, Hanoi, Viet Nam.
- ☎ Hotline: (+84) 981 264 068      ✉ Email: info@rtc.edu.vn
- 🌐 Website: www.rtctech.vn - www.rtc.edu.vn - www.rtctechnology.com.vn - www.agv-smart.com

## INDUSTRIAL AUTOMATION SOLUTIONS

- ▶ Machine Vision
- ▶ AGV/AMR
- ▶ Smart Warehouse
- ▶ Automation Machine Builder
- ▶ IoT, SCADA, e - Factory, e - Logistics
- ▶ Service Center

